

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN QUAN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/DS-ST

Ngày: 06 - 5 - 2022.

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất,
tài sản gắn liền với đất và yêu cầu di
dời tài sản trên đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN QUAN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Bá Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Hữu An

Bà Đỗ Thị Gấm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Bích - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 06/5/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2021/TLST-DS ngày 02/11/2021 về Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và yêu cầu di dời tài sản trên đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXX-ST ngày 05/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-DS ngày 25/4/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Ma Văn N, sinh năm 1965. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lý Văn T, sinh năm 1978, Nơi cư trú: T, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Lương Thị Kim M – Luật sư cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lâm Thị N, sinh năm 1965. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Chị Ma Thị T1, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Thôn Đèo L, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

Anh Ma Văn H1, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh

Lạng Sơn. Vắng mặt.

Chị Ma Thị T2, sinh năm 1987. Nơi cư trú: T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Chị Ma Thị H, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Thôn P, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Chị Ma Thị N, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Anh Ma Văn H2, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Ông Ma Văn T3, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Bà Triệu Thị K, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt

Bà Hoàng Thị S, sinh năm 1940. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Ông Ma Văn T4, sinh năm 1974, Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Bà Lành Thị L, sinh năm 1951. Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lý Văn T, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Chị Lý Thị T5, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Bà Hoàng Thị C, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

Lý Văn T6, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Ông Lý Văn B, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lý Văn T, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Ông Triệu Văn T7, sinh năm 1964, Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

Ông Triệu Văn S, sinh năm 1954. Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

Ông Triệu Văn M, sinh năm 1973, Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

Ông Triệu Văn D, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

Ông Triệu Văn Q, sinh năm 1965. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

Ông Triệu Văn B, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

Ông Triệu Văn Đ, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

Ông Ma Văn T8, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

Bà Triệu Thị V, trú tại: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

Ông Hoàng Văn T, trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

Anh Ma Văn X, trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Ma Văn N trình bày như sau:

Diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc do bố mẹ của ông Ma Văn N khai phá từ năm 1978, sau khi khai phá hàng năm vẫn trồng hoa màu. Đến năm 1987 khi ông Ma Văn N ra ở riêng thì được bố mẹ chia cho diện tích đất này để canh tác. Từ khi được bố mẹ chia đất hàng năm ông Ma Văn N vẫn trồng hoa màu, đến năm 2011 có dự án 661 thì gia đình ông N trồng cây Bạch đàn trên đất, nhưng do không chăm sóc được nên cây bị chết mà chỉ còn sống được 04 cây. Năm 2020 gia đình ông N trồng khoảng 170 cây Sứ nay trên đất vẫn còn. Năm 2021 ông Lý Văn T đến tranh chấp và phát rừng nên xảy ra tranh chấp, do vậy ông Ma Văn N khởi kiện yêu cầu giải quyết các vấn đề như sau:

- Yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp theo kết quả đo đạc là 6205.9m² tại thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn

- Yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản trên đất tranh chấp bao gồm các loại cây Sứ, Lim Đất, cây Kháo, Hạt Dẻ, cây Chấu, cây Hối và các cây tạp tự mọc trên đất tranh chấp.

- Yêu cầu gia đình ông Lý Văn T phải chấm dứt hành vi tranh chấp.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn ông Lý Văn T trình bày: Diện tích đất tranh chấp do bố mẹ ông khai phá từ năm 1989 để trồng cây hàng năm, đến năm 1995 thì được Nhà nước cấp sổ bìa xanh thuộc lô số 259, diện tích 2,5ha. Quá trình quản lý sử dụng cùng năm 1995 đã trồng cây hối trên đất theo dự án 661, nhưng do trâu bò phá nên chỉ còn sống 01 cây. Năm 2018, 2019 tiếp tục trồng hối nhưng do cây bé nên đều bị chết, trên đất tranh chấp không có cây Sứ, không có cây Bạch đàn mà chỉ có các cây tự nhiên tự mọc như Sau Sau, cây Dẻ và cây tạp khác. Năm 2010 do chuyển đổi từ sổ bìa xanh sang sổ đỏ nên ông Lý Văn T đã nộp sổ bìa xanh cho địa chính xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn nay không được trả lại và cũng không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đang tranh chấp. Nay ông Lý Văn T yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp, còn các cây Sứ trên đất tranh chấp do ông Ma Văn N trồng thì yêu cầu ông N phải di dời cây, còn các loại cây khác tự mọc trên đất ông Lý Văn T yêu cầu được quản lý, sử dụng

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ xác định được tổng diện tích đất tranh chấp là 6205.9m², trong đó có một phần diện tích 2217.3m² nằm trong một phần

thửa đất số 753 ký hiệu là S1 quy chủ ông Ma Văn N; một phần diện tích 11741m² nằm trong một phần thửa đất số 763 ký hiệu S2 quy chủ ông Triệu Văn B; một phần diện tích 1201.1m² nằm trong thửa đất số 752 ký hiệu S3 quy chủ ông Ma Văn T4 và một phần diện tích 1613.4m² nằm trong một phần thửa đất số 758 đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Triệu Văn D ký hiệu S4 trên sơ đồ khu đất tranh chấp. Tài sản trên đất tranh chấp gồm 26 cây Dẻ; 47 cây Kháo; 31 cây Châu; 02 cây Lim đất; 02 cây Hôi; 24 cây Sỗ; 24 cây gỗ tạp (nhóm 6).

Kết quả lồng ghép bản đồ qua các thời kỳ xác định được diện tích đất tranh chấp còn trồng lẫn sang nhiều thửa đất khác nhau gồm thửa 236 quy chủ ông Triệu Văn M; thửa 237 quy chủ ông Triệu Văn Q; thửa 238 quy chủ ông Triệu Văn Đ; thửa 240 ông Ma Văn T8; thửa 259 quy chủ ông Triệu Văn K; thửa 261 quy chủ ông Lý Văn M. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của các hộ đứng tên sử dụng đất các thửa đất này nhưng họ đều khẳng định từ trước đến nay không thuộc quyền quản lý, sử dụng của họ.

Lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn đều nhất trí với nguyên đơn về nguồn gốc đất, quá trình quản lý, sử dụng đất và yêu cầu giao diện tích đất tranh chấp cho gia đình ông Ma Văn N quản lý, sử dụng cùng toàn bộ tài sản trên đất.

Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn đều đồng ý với nguyên đơn về nguồn gốc đất, quá trình quản lý, sử dụng đất và yêu cầu giao diện tích đất tranh chấp cho gia đình ông Lý Văn T quản lý, sử dụng cùng toàn bộ tài sản trên đất.

Lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là những người được quy chủ đứng tên sử dụng đất có diện tích đất trồng lẫn khi lồng ghép bản đồ gồm hộ ông Triệu Văn B, ông Triệu Văn M; Triệu Văn T7; Triệu Văn D; Triệu Văn Q; Triệu Văn Đ; Ma Văn T8; Triệu Văn S đều khẳng định diện tích đất tranh chấp không thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình mình, không biết vì lý do gì có sự trồng lẫn, không biết vì sao được quy chủ đứng tên các thửa đất này nếu có đủ căn cứ giao cho bên nào quản lý, sử dụng thì Tòa án giao cho bên đó không thắc mắc vì theo hiện trạng đã sử dụng hết phần đất của gia đình mình, đúng ranh giới và không có tranh chấp với ai.

Đối với phần diện tích 1613.4m² nằm trong một phần thửa đất số 758 ký hiệu S4 trên sơ đồ khu đất tranh chấp thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình ông Triệu Văn T7, Triệu Văn D đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy ông Ma Văn N đã rút một phần yêu cầu đối với phần diện tích đất và tài sản trên đất thuộc một phần thửa đất số 758. Các yêu cầu khác giữ nguyên.

Tại phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Cụ thể:

- Về đất và tài sản trên đất tranh chấp:

Ông Ma Văn N được quyền quản lý sử dụng diện tích 2917.2m² có các điểm thể hiện trên sơ đồ tranh chấp lập ngày 07/12/2021 gồm D; E; F; Q; P; L;

M; N đến đầu cạnh ranh giới 4.23 (gốc cây Khảo) rồi khép về D. Được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản, cây trồng có trên phần diện tích đất này.

Ông Lý Văn T được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 1675.5m² có các điểm thể hiện trên sơ đồ tranh chấp gồm A; B; C; D và kéo đến đầu cạnh ranh giới 4.23 (gốc cây Khảo) rồi khép về A. Được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản, cây trồng có trên phần diện tích đất này.

- Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí cho việc đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và giám định tư pháp là 19.914.000 đồng. Ông Ma Văn N tự nguyện chịu số tiền 9.914.000 đồng. Ông Lý Văn T tự nguyện chịu số tiền 10.000.000 đồng. Do ông Ma Văn N đã tạm ứng trước số tiền 15.000.000 đồng vì vậy ông Lý Văn T có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Ma Văn N số tiền 5.086.000 đồng.

Ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Tại phiên tòa các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử xem xét công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền.

Về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa các bên đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tất cả các nội dung trong vụ án. Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận. Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và yêu cầu di dời tài sản trên đất, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại khoản 2, 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn và tài sản tranh chấp đều ở tại thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Tại phiên tòa các bên đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Tại biên bản lấy lời khai, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đất trồng lán theo kết quả giám định bản đồ cũng khẳng định đất tranh chấp không thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình mình và nếu có căn cứ giao cho bên đương sự nào quyền quản lý, sử dụng thì cũng không thắc mắc gì. Việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc, không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật. Vì vậy Hội đồng xét xử nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, nhất trí quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn tại phiên tòa về việc công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

[5] Phần diện tích đất 1613.4m² thuộc một phần thửa đất số 758 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Triệu Văn D. Ngày 25/4/2022 ông Ma Văn N đã rút yêu cầu, bị đơn ông Lý Văn T cũng nhất trí việc rút yêu cầu vì vậy đình chỉ việc giải quyết phần yêu cầu này.

[6] Án phí: Các đương sự là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Vì vậy được miễn án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2, 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 2 Điều 161; khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 162; khoản 1 Điều 166; khoản 2 Điều 244, Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 160, 161, 163, 164, 169, 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 95; khoản 3 Điều 100; Điều 166; Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự tại phiên tòa cụ thể như sau:

- Về đất và tài sản trên đất tranh chấp:

Nguyên đơn Ông Ma Văn N được quyền quản lý sử dụng diện tích 2917.2m² thuộc một phần thửa đất số 752, một phần thửa đất số 753 và một phần thửa đất số 763 tờ bản đồ số 02 xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có các điểm thể hiện trên sơ đồ tranh chấp lập ngày 07/12/2021 gồm D; E; F; Q; P; L; M; N đến đầu cạnh ranh giới 4.23 (góc cây Kháo) và được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản, cây trồng có trên phần diện tích đất này.

Bị đơn Ông Lý Văn T được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 1675.5m² thuộc một phần thửa đất số 753 và một phần thửa đất số 763 tờ bản đồ

số 02 xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có các điểm thể hiện trên sơ đồ tranh chấp gồm A; B; C; D đến đầu cạnh ranh giới 4.23 (gốc cây Khảo) rồi khép về A và được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản, cây trồng có trên phần diện tích đất này.

Đất và tài sản trên đất có địa chỉ tại K, thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Các đương sự phải chấm dứt hành vi tranh chấp trên diện tích đất nêu trên và có nghĩa vụ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Về chi phí tố tụng cho việc đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và giám định tư pháp: Ông Ma Văn N tự nguyện chịu số tiền 9.914.000 đồng. Ông Lý Văn T tự nguyện chịu số tiền 10.000.000 đồng. Ông Lý Văn T có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Ma Văn N số tiền 5.086.000 đồng (Năm triệu không trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được yêu cầu có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên bị yêu cầu chậm trả thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ việc giải quyết một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Ma Văn N đối với phần diện tích 1613.4m², thuộc một phần thửa đất số 758, tờ bản đồ số 02 bản đồ địa chính xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, cùng toàn bộ tài sản trên diện tích đất này.

3. Án phí: Nguyên đơn, bị đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan;
- Chi cục THA dân sự huyện V;
- Các đương sự;
- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ĐS;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nông Bá Hiệp

